

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Cầm Văn Tổ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Tường Thị T- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2025 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lù Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản Phát, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Tòng Văn V, sinh năm 1973. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Phát, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lù Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Tòng Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 08/03/2012 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống bất đồng nên xảy ra cãi cọ. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm nên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay xác định vợ chồng không thể quay lại chung sống nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tòng Văn V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Tòng Thị Bảo Châu, sinh ngày 31/12/2012. Hiện tại, cháu đang ở với anh V. Hiện nay tôi đang đi làm không có thời gian để chăm sóc cho cháu Châu. Vì vậy tôi sẽ giao cháu Châu cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Châu cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Tôi nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V cho cháu Châu mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/03/2025 anh Tòng Văn V khai như sau:

Anh và chị Lù Thị T kết hôn từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 08/03/2012 và được hai bên gia đình đồng ý. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T hay đi uống rượu bia, không quan tâm chăm lo cho chồng con, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cô T bỏ về bên ngoại ở Điện Biên sinh sống và anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Qua thời gian sống ly thân kéo dài, anh xác định không còn khả năng quay lại. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh anh đồng ý ly hôn nhưng không thể thu xếp công việc để xuống Tòa làm việc được, đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Tòng Thị Bảo Châu, sinh ngày 31/12/2012. Từ khi ly thân đến nay, cháu ở cùng với anh. Anh cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Châu cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh cho cháu Châu mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Tòng Thị Bảo Châu, sinh ngày 31/12/2012 cháu Châu có nguyện vọng ở cùng bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng bị đơn không tham gia hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự và được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lù Thị T và anh Tòng Văn V. Về con chung: Giao cháu Tòng Thị Bảo Châu, sinh ngày 31/12/2012 cho anh Tòng Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả, xem xét lời khai nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lù Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Tòng Văn V, địa chỉ tại: Bản Phát, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lù Thị T và anh Tòng Văn V.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lù Thị T và anh Tòng Văn V tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2012, anh chị đã được UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/03/2012. Khi kết hôn

hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến rạn nứt tình cảm. Do không giải quyết được bất đồng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Anh V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị T hay đi uống rượu không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ chồng mâu thuẫn chị T đã bỏ về bên ngoại ở Điện Biên sinh sống. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không thể quay về chung sống, chị T, anh V đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T, anh V đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lù Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Tòng Văn V.

[2.2] *Về con chung*: Chị T, anh V đều xác nhận có 01 con chung là cháu Tòng Thị Bảo Châu, sinh ngày 31/12/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Qua xác minh xác định cháu Châu đang ở cùng bố. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung trên 07 tuổi, cháu Tòng Thị Bảo Châu có nguyện vọng ở cùng với bố. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và con chung, giao cháu Tòng Thị Bảo Châu, sinh ngày 31/12/2012 anh Tòng Văn V trực tiếp nuôi dưỡng; giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí*: Chị Lù Thị T phải nộp án phí xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lù Thị T và anh Tòng Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Thị Bảo Châu, sinh ngày 31/12/2012 cho anh Tòng Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) chị T nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V cho cháu Châu mỗi tháng là 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ

khi bản án có hiệu lực đến khi cháu Châu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động).

Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung vợ chồng: không có.

4. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

5. Về án phí: Chị Lù Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ là 300.000VNĐ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án **số 0002414 ngày 03 tháng 03 năm 2025** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, phải nộp tiếp 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ, án卷.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tểnh

